**KẾ HOẠCH BỘ MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**NĂM 2019- 2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và Tên GV | Phân công giảng dạy | Số tiết dạy | Công tác kiêm nhiệm | Tổng số tiết |
| Trần Thị Huyền | CN6, CN7, Dạy nghề | 22 |  | 22 |

**I. TÌNH HÌNH CHUNG**

1. **Thuận lợi:**

* Được sự quan tâm của Ban giám hiệu tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.
* Học sinh được tiếp xúc với nhiều phương pháp học tập mới nên việc tiếp thu của HS nhanh.
* Đa số học sinh thuộc địa bàn nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp nên dễ tiếp cận thực tế và tiếp thu nhanh vận dụng tốt vào công việc nhà nông.

1. **Khó khăn:**

* Một số HS thuộc diện khó khăn nên thời gian dành cho việc học tập chưa nhiều. Bên cạnh đó còn một số em lơ là, chưa ý thức được việc học ở lớp cũng như việc tự học ở nhà. Từ đó ảnh hưởng tới việc giáo dục chung.
* Đồ dùng dạy học còn thiếu như tranh vẽ mô hình….

1. **Chỉ tiêu chuyên môn**

-Dự giờ : 18 tiết/ năm

-Dạy tốt 6 tiết/ năm

-Chỉ tiêu chuyên môn :98%

**4. Biện pháp thực hiện**

1. Đối với thầy cô giáo

- Nghiên cứu SGK hiểu đầy đủ kiến thức của bài

* Soạn giảng chi tiết tỉ mỉ, theo phương pháp mới phát huy tính tích cực của học sinh, ứng dụng CNTT vào giảng dạy
* Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ để phục vụ bài giảng khi cần thiết
* Giảng dạy nhiệt tình làm cho học sinh hứng thú say mê môn học.
* Bài giảng gắn liền với thực tế.
* Đồ dùng dạy học phù hợp với bài giảng

b.Đối với trò:

- Xác định được vị trí học tập bộ môn công nghệ gắn liền với thực tế.

- Có ý thức học tập bộ môn với tinh thần tự giác, tự lực.

* Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi đồ dùng cần thiết
* Phải có đầy đủ dụng cụ, vật liệu trong các giờ thực hành.

**II/ MỤC TIÊU MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần/**  **Chương** | **Kiến thức** | **Kĩ năng** | **Thái độ** |
| Phần I: TRỒNG TRỌT  Chương I:  ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT TRỒNG TRỌT | + Nắm được vai trò và nhiệm vụ của trồng trọt.  + Hiểu được đất trồng là gi? Vai trò của đất trồng với cây trồng. Đất trồng gồm những thành phần gì?  + Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng đất hợp lí. Biết các biện pháp cải tạo và bảo vệ đất.  + Biết được các loại phân bón thường dùng và tác dụng của phân bón.  + Hiểu được các cách bón phân, cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường.  + Hiểu được vai trò của giống và các phương pháp chọn tạo giống cây trồng.  + Biết được quy trình sản xuất giống cây trồng, cách bảo quản hạt giống.  + Biết được tác hại của sâu bệnh. Hiểu được khái niệm côn trùng và bệnh cây. Biết các dấu hiệu khi cây trồng bị sâu hại phá hoại.  + Hiểu được nguyên tắc và phương pháp phòng trừ sâu bệnh hại.  + Biết được 1 số dạng thuốc, đọc được nhãn hiệu của thuốc. | + Kĩ năng quan sát.  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Khả năng vận dụng hiểu biết thực tiễn vào bài học.  + Khả năng phân tích.  + Phát triển tư duy thực nghiệm - quy nạp.  + Biết vận dụng những hiểu biết đã học vào công việc phòng trừ sâu, bênh tại vườn trường hay ở gia đình.  + Rèn luyện khả năng khái quát hoá, tổng hợp kiến thức. | + Có hứng thú trong học tập KTNN và coi trọng sản xuất trồng trọt  + Có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài nguyên môi trường đất.  + Có ý thức tận dụng các sản phẩm phụ, cây hoang dại để làm phân bón.  + Có ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường khi sử dụng phân bón.  + Có ý thức quý trọng, bảo vệ các giống cây trồng quý hiếm trong sản xuất ở địa phương.  + Có ý thức chăm sóc cây trônhg thường xuyên để hạn chế sâu, bệnh phá hại.  + Có ý thức đảm bảo an toàn khi sử dụng thuốc BVTV. |
| Chương II:  QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRỒNG TRỌT | + Hiểu được quy trình làm đất và bón phân lót.  + Hiểu được thời vụ, mục đích kiểm tra và xử lí hạt giống. Hiểu được các phương pháp gieo trồng.  + Làm đươc các thao tác trong quy trình xử lí hạt giống.  + làm được các thao tác trong quy trình xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống.  + Nắm được các biện pháp chăm sóc cây trồng.  + Nắm đước các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.  + Hiểu được các khái niệm: luân canh, xen canh, tăng vụ và tác dụng. | + Rèn luyện kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  + Phát triển tư duy lí luận (Phân tích, so sánh).  + Phát triển tư duy thực nghiệm - quy nạp.  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Rèn luyện khả năng khái quát hoá, tổng hợp kiến thức. | + Giáo dục ý thức cẩn thận, chính xác trong các bài thực hành.  + Có ý thức lao động có kĩ thuật, tinh thần chịu khó, cẩn thận.  + Có ý thức tiết kiệm, tránh làm hao hụt, thất thoát trong thu hoạch. |
| Phần II: LÂM NGHIỆP  Chương I: KĨ THUẬT GIEO TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG | + Nắm được vai trò của rừng và nhiệm vụ của trồng rừng.  + Nắm được ĐK lập vườn gieo ươm, quy trình làm đất.  + Biết cách kích thích hạt giống cây rừng, thời vụ, quy trình gieo hạt và chăm sóc vườn gieo ươm.  + Làm được các thao tác gieo hạt và cấy cây vào bầu đất.  + Biết thời vụ, cách đào hố và quy trình trồng cây rừng.  + Biết được thời gian và số lần chăm sóc, nắm được các công việc chăm sóc. | + Phát triển kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  + Phát triển tư duy lí luận (Phân tích, so sánh).  + Phát triển tư duy lí thuyết (Phân tích, hệ thống hoá kiến thức).  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Rèn các thao tác thực hành.  + Rèn luyện khả năng khái quát hoá, tổng hợp kiến thức. | + Có ý thức bảo vệ rừng và tích cực trồng cây gây rừng.  + Có ý thức tiết kiệm hạt giống, làm việc cẩn thận, đúng quy trình.  + Giáo dục ý thức cẩn thận, chính xác và lòng hăng say lao động…  + Có ý thức chịu khó, cẩn thận và an toàn lao động trong trồng và chăm sóc rừng. |
| Chương II:  KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG | + Biết được các loại rừng khai thác, ĐK khai thác rừng ở VN. Các biện pháp phục hồi rừng.  + Hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng.  + Hiểu được mục đích, biện pháp bảo vệ và khoanh nuôi rừng | + Rèn kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Rèn kĩ năng quan sát tranh  + Rèn luyện khả năng khái quát hoá, tổng hợp kiến thức. | + Có ý thức bảo vệ rừng, không khai thác rừng bừa bãi. |
| Phần III: CHĂN NUÔI  Chương I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT CHĂN NUÔI | + Nắm được vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi.  + Hiểu được khái niệm về giống vật nuôi và vai trò của giống trong chăn nuôi.  + Hiểu được khái niệm, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đế sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi  + Hiểu được khái niệm chọn giống vật nuôi. Biết 1 số phương pháp chọn lọc và quản lí giống vật nuôi.  + Biết được phương pháp chọn phối và nhân giống thuần chủng vật nuôi  + Nhận biết 1 số giống gà và lợn qua quan sát ngoại hình và đo kích thước 1 số chiều đo.  + Hiểu được nguồn gốc và thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi  + Hiểu được vai trò của các chất dinh dưỡng có trong thức ăn vật nuôi  + Hiểu được mục đích và các phương pháp chế biến, dự trữ thức ăn cho vật nuôi  + Biết được 1 số phương pháp sản xuất các loại thức ăn cho vật nuôi.  + Biết chế biến 1 số loại thức ăn cho vật nuôi như: Thức ăn giàu Gluxit, thức ăn giàu Prôtêin. Biết cách đánh giá chúng. | + Rèn kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Khả năng tìm tòi, phát hiện kiến thức mới.  + Kĩ năng quan sát thí nghiệm, khả năng thực hành.  + Khả năng tự hoàn thiện kiến thức | + Có ý thức say sưa học tập lĩ thuật chăn nuôi  + Rèn luyện ý thức cẩn thận, chính xác trong các giờ thực hành.  + Có ý thức học tập say sưa, quan sát tỉ mỉ trong việc nhận biết các loại giống vật nuôi(Giống gà và lợn)  + Có ý thức tiết kiệm thức ăn trong chăn nuôi |
| Chương II:  QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI | + Biết được vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh bảo vệ môi trường trong chăn nuôi  + Hiểu được 1 số biện pháp kĩ thuật trong chăn nuôi vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản.  + Hiểu được nguyên nhân gây bệnh. Biết cách phòng, trị cho vật nuôi.  + Hiểu được tác dụng và cách sử dụng Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi.  +Nhận biết và sử dụng được 1 số loại Vắc xin phòng bệnh cho gia cầm. | + Kĩ năng hoạt động nhóm  + Kĩ năng khái quát hoá, vận dụng kiến thức.  + Rèn kĩ năng tư duy logic tổng hợp, khả năng khái quát hoá.  + Kĩ năng nắm bắt quy trình công nghệ, kĩ năng vận dụng thực tế.  + Nghiên cứu thông tin, phát hiện kiến thức.  + Kĩ năng so sánh tổng hợp. | + Có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái.  + Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi.  + Rèn luyện ý thức cẩn thận, chính xác, an toàn lao động trong thực hành. |
| Phần IV: THUỶ SẢN  Chương I:  ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT NUÔI THUỶ SẢN | + Nắm được vai trò và nhiệm vụ của nuôi thuỷ sản.  + Hiểu được đặc điểm của nước nuôi thuỷ sản; Biết được 1 số tính chất của nước nuôi thuỷ sản; Biết cách cải tạo nước nuôi thuỷ sản và đất đáy ao.  + Biết cách xác định nhiệt độ, độ trong và độ PH của nước nuôi thuỷ sản.  + Biết được các loại thức ăn của tôm, cá; Mối quan hệ về thức ăn  + Nhận biết được 1 số loại thức ăn chủ yếu của tôm, cá; phân biệt thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo. | + Quan sát tranh hình nhận biết kiến thức.  + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Vận dụng kiến thức giải thích thực tế.  + Phát triển kĩ năng tư duy logic, khái quát hoá.  + Rèn luyện kĩ năng tư duy tổng hợp, suy luận. | + Rèn luyện ý thức cẩn thận, chính xác, an toàn lao động trong thực hành.  + Có ý thức quan sát tỉ mỉ trong việc nhận biết các loại thức ăn. |
| Chương II:  QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI THUỶ SẢN | + Biết được kĩ thuật chăm sóc tôm, cá, cách quản lí ao nuôi; biết được phương pháp phòng và trị bệnh cho tôm, cá.  + Biết được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thuỷ sản.  + Hiểu đựơc ý nghĩa của bảo vệ môi trường thuỷ sản; Biết được 1 số biện pháp bảo vệ môi trường thuỷ sản; Biết cách bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản | + Kĩ năng hoạt động nhóm.  + Kĩ năng khái quát hoá, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn.  + Phát triển tư duy logic.  + Rèn luyện kĩ năng quan sát, khái quát, liên hệ thực tế. | Có ý thức bảo vệ môi trường sống và nguồn lợi thuỷ sản |

**III/ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Nội dung** | **Tài liệu-ĐDDH** | **Chuẩn bị của học sinh** |
| 01 | 01 | 1. Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt  2. Khái niệm, thành phần và tính chất của đất trồng | + Nắm được vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt.  + Hiểu được đất trồng là gì? Biết được vai trò và thành phần của đất trồng. | + Tranh H1, H2 SGK  + Kẻ bảng trang 6, trang 8 ra bảng phụ | Kẻ bảng trang 6, trang 8 vào vở |
| 02 | 02 | 3. Một số tính chất chính của đất trồng | Nắm được thành phần cơ giới của đất; Độ chua, độ kiềm của đất; khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất; độ phì nhiêu của đất. | Kẻ bảng trang 9 ra bảng phụ | Kẻ bảng trang 9 vào vở bài tập |
| 03 | 03 | 6. Biện pháp sử dụng, cải tạo và bản vệ đất. | + Hiểu được vì sao phải sử dụng đất hợp lí.  + Biết được các biện pháp thường dùng để cải tạo đất. | + Tranh H3 đến H5  + Kẻ 2 bảng trang 14, 15 ra bảng phụ | Kẻ 2 bảng trang 14, 15 vào vở bài tập |
| 04 | 04 | 7. Tác dụng của phân bón trong trồng trọt | + Biết thế nào là phân bón, phân loại.  + Hiểu được tác dụng của phân bón. | + Tranh H6 SGK  + Kẻ bảng trang 16 ra bảng phụ. | Kẻ bảng trang 16 vào vở bài tập |
| 05 | 05 | 8. TH: Nhận biết 1 số loại phân hoá học thông thường | Nhận biết 1 số loại phân hoá học thông thường | Chẩn bị cho mỗi nhóm: 4 mẫu phân, 4 ống nghiệm, đèn cồn, | 1 cục than củi, kẹp gắp than, 1 hộp diêm, thìa nhỏ, nước sạch |
| 06 | 06 | 9. Cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường | Biết được cách bón phân, cách sử dụng các loại phân bón thông thường, cách bảo quản các loại phân bón. | + Tranh H7 đến H10.  + Kẻ bảng trang 22 ra bảng phụ | Kẻ bảng trang 22 vào vở bài tập. |
| 07 | 07 | 10. Vai trò của giống và các phương pháp chọn tạo giống cây trồng | + Hiểu được vai trò của giống.  + Biết được các phương pháp chọn tạo giống cây trồng. | + Tranh H11 đến H14 SGK  + Đọc giáo trình giống cây trồng. |  |
| 08 | 08 | 11. Sản xuất và bảo quản giống cây trồng | + Hiểu được quy trình sản xuất giống cây trồng.  + Biết cách bảo quản hạt giống. | + Tranh H17,  sơ đồ 3  + Đọc giáo trình giống cây trồng. |  |
| 09 | 09 | 12. Sâu bệnh hại cây trồng | Biết được tác hại của sâu, bệnh; hiểu khái niệm côn trùng và bênh cây; nhận biết 1 số dấu hiệu khi cây bị sâu, bệnh phá hại. | + Tranh H18 đến 20.  + 1 số mẫu ép về sâu, bệnh hại. |  |
| 10 | 10 | 13. Phòng trừ sâu, bệnh hại | Hiểu được những nguyên tắc và biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại. | + Tranh H21 đến H23.  + Thu thập các tư liệu về phòng trừ SB ở địa phương. | Kẻ bảng trang 31 SGk vào vở. |
| 11 | 11 | 14. TH: Nhận biết 1 số loại thuốc và nhãn hiệu của thuốc trừ SB hại | + Biết được 1 số loại thuốc ở dạng bột, bột thấm nước, hạt và sữa.  + Đọc được nhãn hiệu của thuốc (tên thuốc, độ độc....) | + Tranh vẽ nhãn hiệu của thuốc, độ độc.  + Các mẫu thuốc trừ sâu, bệnh hại. | Các mẫu thuốc trừ sâu, bệnh hại ở dạng hạt, bột hoà tan trong nước, bột thấm nước và sữa. |
| 12 | 12 | Kiểm tra viết | Nhằm kiểm tra, đánh giá sự tiếp thu kiến thức của HS qua chương I | Đề kiểm tra, đáp án | Giấy, bút. |
| 13 | 13 | 15. Làm đất, bón phân lót.  16. Gieo trồng cây nông nghiệp. | + Hiểu được mục đích, yêu cầu kĩ thật là đất, bón phân lót cho cây trồng.  + Biết được mục đích kiểm tra, xử lí hạt giống và các căn cứ để xác định thời vụ.  + Hiểu được các PP gieo trồng. | +Tranh H25 đến H28.  + Thu thập tài liệu và kinh nghiệm về kĩ thuật làm đất ở địa phương. | Thu thập tài liệu và kinh nghiệm về kĩ thuật làm đất ở địa phương. |
| 14 | 14 | Thực hành:  17. Xử lí hạt giống bằng nước ấm  18. Xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống | + Làm được các thao tác xử lí hạt giống bằng nước ấm đúng quy trình.  + Làm được các bước xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống đúng quy trình. | + 8 nhiệt kế, phích nước nóng, chậu, thùng, rổ.  + Đĩa Pectri, Khay men (gỗ), giấy thấm, vải thô. | Mỗi nhóm HS (4HS) chuẩn bị: 2kg ngô hạt và 2kg đậu (đỗ) |
| 15 | 15 | 19. Các biện pháp chăm sóc cây trồng | HS hiểu ý nghĩa, quy trình và nôi dung của các khâu kĩ thuật chăm sóc cây trồng như: Làm cỏ, tưới nước, vun xới, bón phân.... | + Tranh H29, H30  + Tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng ở địa phương. | Tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng ở địa phương. |
| 16 | 16 | 20. Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. | HS hiểu mục đích và yêu cầu của các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. | + Tranh H31, H32.  + Sưu tầm tranh vẽ có liên quan. |  |
| 17 | 17 | Ôn tập | HS cũng cố kiến thức qua phần chương I, II | Xem lại kiến thức chương I | Ôn lại kiến thức chương I |
| 18 | 18 | Kiểm tra HK I | Nhằm kiểm tra, đánh giá sự tiếp thu kiến thức của HS qua 2 chương I, II | Đề kiểm tra, đáp án | Giấy, bút. |
|  |  |  |  |  |  |
| 19 | 19 | 21. Luân canh, xen canh, tăng vụ | + Hiểu được thế nào là: Luân canh, xen canh, tăng vụ.  + Hiểu được tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ. | + Tranh H33.  + Tìm hiểu các biện pháp canh tác ở địa phương. |  |
| 20 | 22. Vai trò của rừng và nhiệm vụ của trồng rừng | + HS nắm được vai trò to lớn của rừng đối với cuộc sống của toàn xã hội.  + Biết được nhiệm vụ của trồng rừng | + Tranh phóng to H34, 35 SGK  + Tham khảo các tài liệu và dẫn chứng về vai trò của rừng | + Tìm hiểu vai trò của rừng và trồng rừng  + Đọc lại vai trò của thực vật trong sách sinh học 6 |
| 20 | 21 | 23. Làm đất gieo ươm cây rừng | + Hiểu được các điều kiệnlập vườn gieo ươm  + Nắm được các công việc cơ bản trong quy trình làm đất hoang  + Nắm được cách tạo nền đất để gieo ươm cây | + Tranh H36 và sơ đồ 5 SGK  + Tham khảo tài liệu liên quan | Đọc lại quy trình làm đất trong phân nông nghệp |
| 22 | 24. Gieo hạt và chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng | + Biết cách kích thích hạt giống cây rừng nảy mầm  + Hiểu được thời vụ, quy trình gieo hạt cây rừng  + Hiểu rõ công việc chăm sóc vườn gieo ươm | + Tranh phóng to H37, 38 SGK  + Sưu tàm tranh, ảnh có liên quan |  |
| 21 | 23 | 25. TH: Gieo hạt và cấy cây vào bầu đất | Làm được các thao tác gieo hạt và cấy cây vào bầu đất | Làm thực hành trước để rút kinh nghiệm cho học sinh. | Mỗi nhóm chuẩn bị: Đất, phân bón, hạt giống, túi bầu Nilông, cuốc, xẻng, dùi cấy cây, vật liệu che phủ |
| 24 | 26. Trồng cây rừng  27. Chăm sóc rừng sau khi trồng | + HS nắm được thời vụ gieo trồng, cách đào hố và trồng rừng bằng cây con.  + Biết được thời gian và số lần chăm sóc  + Hiểu được nội dung của các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng. | + Tranh phóng to H41 đến H44 SGK  + Tham khảo thực tế công việc chăm sóc rừng ở địa phương | HS tìm hiểu các công việc chăm sóc rừng ở địa phương |
| 22 | 25 | 28. Khai thác rừng | + Nắm được các loại khai thác rừng  + Hiểu được các điều kiện áp dụng khai thác rừng hiện nay ở Việt Nam  + Biết được các biện pháp phục hồi rừng sau khi khai thác. | + Tranh phóng to H45 đến H47 SGK  + Sưu tầm 1 số tranh ảnh có liên quan | Liên hệ cách khai thức rừng ở địa phương |
| 26 | 29. Bảo vệ và khoanh nuôi rừng | + Hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng  + Hiểu được mục đích, biện pháp bảo vệ và khoanh nuôi rừng | + Tranh phóng to H48, H49 SGK  + Sưu tầm 1 số tranh ảnh có liên quan |  |
| 23 | 27 | 30. Vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi  31. Giống vật nuôi | + Hiểu được vai trò, nhiệm vụ của ngành chăn nuôi  + Hiểu được khái niệm giống vật nuôi, biết cách phân loại gvn và vai trò của gvn | + Tranh H50-H53  + Sơ đồ 7  + Kẻ bảng trang 84, 85 ra bảng phụ | + Kẻ bảng trang 84, 85 vào vở bài tập  + Tìm hiểu các giống vật nuôi có ở địa phương |
| 28 | 32. Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi | + Khái niệm sinh trưởng và phát dục của vật nuôi  + Các đặc điểm của sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi  + Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi | + Tranh H54  + Sơ đồ 8  + Kẻ bảng trang 87 ra bảng phụ | Kẻ bảng trang 87 vào vở bài tập |
| 24 | 29 | 33. Một số phương pháp chọn lọc và quản lí giống vật nuôi | + Hiểu được khái niệm về chọn lọc giống vật nuôi  + Biết được 1 số phương pháp chọn lọc và quản lí giống vật nuôi. | + Kẻ sơ đồ 8 ra bảng phụ  + Tham khảo SGV |  |
| 30 | 34. Nhân giống vật nuôi | + Biết được thế nào là chọn phối, các phương pháp chọn phối  + Hiểu được khái niệm và phương pháp nhân giống thuần chủng ở vật nuôi | Nghiên cứu giáo trình “Trồng trọt và chăn nuôi” sách cao đẳng sư phạm | HS tìm hiểu các giống vật nuôi ở địa phương được tạo ra như thế nào |
| 25 | 31 | 35. TH nhận biết và chọn 1 số giống gà... | + Phân biệt được 1 số giống gà qua quan sát 1 số đặc điểm ngoại hình  + Phân biệt được phương pháp chọn gà mái đẻ trứng dựa vào 1 vài chiều đo đơn giản | + Ảnh (tranh vẽ), mô hình vật nhồi hoặc vật nuôi thật các giống: Gà ri, Lơgo, gà ta vàng...  + Thước đo, dụng vụ vệ sinh | Kẻ bảng trang 96 vào vở học |
| 32 | 36. TH nhận biết và chọn 1 số giống lợn... | + Phân biệt được 1 số giống lợn qua quan sát 1 số đặc điểm ngoại hình  + Biết được phương pháp đo 1 số chiều đo của lợn | + Ảnh (tranh vẽ), mô hình vật nhồi hoặc vật nuôi thật các giống lợn: Ỉ, Móng cái, Lanđơrát, Đại bạch, thuộc nhiêu..  + Thước đo, dụng vụ vệ sinh | Kẻ bảng trang 98 vào vở học |
| 26 | 33 | 37. Thức ăn vật nuôi | + Biết được nguồn gốc của thức ăn vật nuôi  + Nắm được thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | + Tranh H63-H65  + Kẻ bảng 4 trang 100 ra bảng phụ | Kẻ bảng 4 trang 100 vào vở bài tập. |
| 34 | 38. Vai trò của thức ăn đối với vật nuôi | + Hiểu được thức ăn được cơ thể hấp thụ dưới dạng nào  + Nắm được vai trò dinh dưỡng của thức ăn đối với vật nuôi | Kẻ bảng 5, bảng 6 trang 102 và 103 ra bảng phụ |  |
| 27 | 35 | 39. Chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi | + Biết được mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi  + Biết được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi. | + Tranh H66, H67  + Tranh ảnh 1 số máy trong nông nghiệp | Tìm hiểu các cách bảo quản và chế biến thức ăn cho vật nuôi ở địa phương. |
| 36 | 40. Sản xuất thức ăn vật nuôi | + Nắm được cách phân loại thức ăn vật nuôi  + Nắm được 1 số phương pháp sản xuất thức ăn giàu Prôtêin, giàu Gluxit và thức ăn thô xanh. | + Tranh H68  + Nghiên cứu SGV và tài liệu liên quan. | Tìm hiểu cách sản xuất thức ăn vật nuôi ở địa phương |
| 28 | 37 | 41. Chế biến thức ăn giàu Gluxit bằng men.  42. Đánh giá chất lượng thức ăn vật nuôi... | + Nắm được các phương pháp chế biến thức ăn họ đậu bằng nhiệt (Rang, hấp, luộc)  + Biết sử dụng bánh men rượu để chế biến thức ăn giàu tinh bột (Gluxit) làm thức ăn cho vật nuôi.  + Biết đánh giá thức ăn ủ xanh và thức ăn ủ men rượu cho vật nuôi | + Chảo, nồi hấp, bếp dầu, thiết bị nghiền, rổ, rá, chậu, dụng cụ khuấy.  + Chậu nhựa, vải, nilông sạch, chày và cối sứ, cân tiểu li. | + Hạt đậu nành (Đậu tương) sống: 0,5kg/nhóm  + Bột ngô (gạo, sắn); 0,5kg/nhóm  + Men rượu, nước sạch |
| 38 | Kiểm tra viết | Nhằm đánh giá kiến thức HS từ đầu HKII đến giờ (Bài 21 đến bài 41) | Đề kiểm tra, đáp án | Giấy, bút. |
| 29 | 39 | 44. Chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi | + HS nắm được vai trò và những yếu tố cần có để chuồng nuôi hợp vệ sinh  + Hiểu được các vai trò và biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi. | + Tranh H69, 70, 71. Sơ đồ 10, 11  + Tìm hiểu thông tin ở địa phương | Tìm hiểu cách làm chuồng nuôi ở địa phương và công việc phòng dịch. |
| 40 | 45. Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi | HS hiểu được biện pháp trong nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản | + Sơ đồ 12, 13 SGK  + Nghiên cứu sgk, sgv |  |
| 30 | 41 | 46. Phòng trị bệnh thông thường cho vật nuôi  47. Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi | + Hiểu được khái niệm bệnh, nguyên nhân và cách phòng trị bệnh cho vật nuôi  + Hiểu được khái niệm, cách phân loại Vắc xin; tác dụng và cách sử dụng Vắc xin | + Sơ đồ 14 trang 112  + Tranh H73,74 SGK  + Thu thập các mẫu vắc xin | Thu thập các mẫu vắc xin có ở địa phương |
| 42 | 48. Nhận biết 1 số loại Vắc xin | + Phân biệt được 1 số loại Vắc xin phòng bệnh cho gia cầm  + HS biết cách sử dụng Vắc xin | Chuẩn bị theo hướng dẫn SGK | Một đoạn thân cây chuối, bơm tiêm, kim tiêm |
| 31 | 43 | 49. Vai trò và nhiệm vụ của nuôi thuỷ sản | + Hiểu được vai trò của nuôi thuỷ sản  + Biết được 1 số nhiệm vụ chính của nuôi thuỷ sản | Tham khảo tư liệu “Chương trình nuôi trồng thuỷ sản giai đoạn 1999-2010” |  |
| 44 | 50. Môi trường nuôi thuỷ sản | + Hiểu được đặc điểm, tính chất của nước nuôi thuỷ sản  + Biết cách cải tạo nước nuôi thuỷ sản và đất đáy ao | + Tranh H78 sgk  + Tham khảo tài liệu có liên quan |  |
| 32 | 45 | 51. TH xác định t0, độ trong... | HS xác định được nhiệt độ, độ trong, và độ PH của nước nuôi thuỷ sản | Nhiệt kế, đĩa sếch xi, thang màu PH | Thùng đựng nước nuôi thuỷ sản |
| 46 | 52. Thức ăn của động vật thuỷ sản | + Biết được thức ăn của tôm, cá gồm những loại nào.  + Hiểu được mối quan hệ về thức ăn | + Tranh H82, 83 sgk  + Tham khảo tài liệu liên quan |  |
| 33 | 47 | 53. TH quan sát để nhận biết các loại thức ăn | + Phân biệt được 1 số loại thức ăn chủ yếu của tôm, cá.  + Phân biệt được thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo. | KHV, vợt vớt sinh vật phù du, lọ đựng mẫu nước, phiến kính, lamen | + Các loại hạt: Ngô, đậu tương…  + Thức ăn hỗ hợp  + Trai, ốc, sò… |
| 48 | 54. Chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho tôm, cá | + HS nắm kĩ thuật chăm sóc tôm, cá  + Hiểu được công việc quản lí ao nuôi  + Biết các PP phòng, trị bệnh cho tôm, cá. | + Tranh H84, 85 sgk  + Một số cây: Duốc cá, trâm lang… | Một số cây: Duốc cá, trâm lang… |
| 34 | 49 | 55. Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thuỷ sản | Nắm được mục đích và các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thuỷ sản | + Tranh H86, 87 sgk  + Tham khảo tài liệu liên quan | Tìm hiểu các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến nônng sản ở địa phương |
| 50 | 56. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thuỷ sản. | + Hiểu được ý nghĩa của bảo vệ môi trường thuỷ sản  + Biết được 1 số pp bảo vệ mt thuỷ sản  + Nắm được hiện trang nguồn lợi thuỷ sản, nguyên nhân và pp bảo vệ, khai thác hợp lí | + Viết bài tập điêng khuyết ra bảng phụ.  + Kẻ sơ đồ 17 sgk trang 154 |  |
| 35 | 51 | Ôn tập | HS củng cố kiến thức qua 3 phần | Xem lại kiến thức | Ôn lại kiến thức |
| 52 | Kiểm tra HKII | Nhằm kiểm tra, đánh giá sự tiếp thu kiến thức của HS qua 3 phần Lâm nghiệp, chăn nuôi và thuỷ sản | Đề kiểm tra, đáp án | Giấy, bút. |

**IV/ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG:**

1. ***Xây dựng ý thức, nề nếp, phương pháp tự học:***
   * Việc chuẩn bị bài ở nhà luôn đầy đủ, chu đáo.
   * Tự học và nghiên cứu kiến thức mới trước khi đến trường.
   * Tự đưa ra những câu hỏi thuộc phạm vi kiến thức đang học.
2. ***Phân công học sinh giỏi giúp đỡ học sinh yếu, kém:***

* Phương pháp chính là dựa vào đội ngữ cán sự lớp.
* Một em giỏi (khá) giúp đỡ một học sinh yếu (kém) bằng cách: kiểm tra vở học, vở soạn và kiểm tra 15 phút đầu buổi học.

1. ***Xây dựng đề cương bài tập từ dễ đến khó:***

* Câu hỏi dễ dành cho học sinh yếu (trung bình) trả lời.
* Các câu hỏi khó giành cho học sinh khá (giỏi).

1. ***Biện pháp kiểm tra đồ dùng học tập, sách giáo khoa, sách bài tập,áp dụng các biện pháp dạy học tích cực, CNTT***

* Giao việc này cho tổ trưởng, các bạn trong tổ tự kiểm tra lẫn nhau theo cặp của tổ trưởng phân công, tổ trưởng kiểm tra sự thiếu hay đủ rồi báo cáo với giáo viên bộ môn xử lí.
* Sau khi kiểm tra giáo viên nhắc nhở và có biện pháp xử lí với từng em cho phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi.

1. ***Phối hợp với phụ huynh trong việc giảng dạy bộ môn:***

* Đối với những học sinh cá biệt cần phối hợp với GVCN và phụ huynh để xử lí.
* Trong trường hợp cần thiết có thể liên hệ với phụ huynh qua điện thoại.